

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2021
“V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi
ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Bửu Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Việt
2. Bà Trần Thị Phiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Thọ, Kiểm sát viên.

Ngày 19/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 432/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020, về tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Tuyết S, sinh năm 1991 (có mặt);
Địa chỉ ĐKKHKT: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
Nơi ở hiện nay: Số 88, khóm T, phường A, Tp. S, tỉnh Đồng Tháp.
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn Trong N, sinh năm 1986 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết S trình bày:

Chị Trần Thị Tuyết S và anh Nguyễn Tấn Trong N quen biết nhau, qua tìm hiểu được hơn một năm rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký

kết hôn, anh chị được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/01/2015.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do tính tình cả hai không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh N không làm tròn trách nhiệm người chồng cùng với chị chăm lo, xây dựng gia đình, tài sản anh chị tạo lập được sau hôn nhân anh N đều bán hết. Khi chung sống, mỗi lần cãi nhau anh N thường dùng lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị, thậm chí còn hành hung chị. Ngoài ra, anh N còn ghen tuông vô cớ, cho rằng chị và cha chồng có mối quan hệ bất chính. Vì vậy, đầu năm 2019, chị S và anh N dọn ra thuê nhà trọ sống, đến cuối năm 2019 thì dọn về nhà cha mẹ ruột chị sống. Thời gian sống cùng gia đình nhà vợ, giữa anh N và gia đình chị phát sinh mâu thuẫn gay gắt, cho nên đến tháng 8/2020 thì anh N bỏ về nhà cha mẹ ruột anh sống và anh chị cũng ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Quá trình chung sống, dù xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng chị S vẫn cố nhẫn nhịn, khuyên can để anh N thay đổi nhưng anh không sửa đổi. Từ đó, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và không thể hàn gắn, mâu thuẫn xảy ra cũng không giải quyết được.

Nay, chị S xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh N. Do đó, chị S yêu cầu ly hôn với anh N.

- Về con chung: Có một con tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 17/5/2016. Chị S yêu cầu được nuôi dưỡng Nguyễn Thị Mỹ H sau khi ly hôn, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh N để làm việc và hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay, anh N tiếp tục vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Tuy nhiên qua xác minh, mẹ ruột anh N là bà Lê Thị Mỹ N cho biết anh N hiện đang sống chung nhà với bà nhưng do đi làm công nhân cho công trình xây dựng nên thường vắng nhà. Đối với các văn bản Tòa án tổng đạt thì bà đều thông báo và giao lại cho anh N, việc anh N không đến Tòa án là do anh N không thích gia đình nhà vợ vì thường hay nói xấu anh. Đồng thời, anh không có tranh chấp gì với chị S, anh N đồng ý ly hôn với chị S và giao Nguyễn Thị Mỹ H cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:*

Về tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn không chấp hành pháp luật, vắng mặt trong phiên họp tiếp

cận công khai chứng cứ và hòa giải, làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S về việc xin ly hôn anh N. Về con: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S về việc nuôi con chung, giao cháu Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 17/5/2016 cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, vì cháu H đã sống ổn định với chị S, anh N không cấp dưỡng nuôi con do chị S không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Tấn Trong N tuy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Nguyên đơn, chị Trần Thị Tuyết S đồng ý và yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của chị S về việc yêu cầu ly hôn anh N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Trần Thị Tuyết S và anh Nguyễn Tấn Trong N chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/01/2015 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị S cho rằng anh N không có trách nhiệm với gia đình, ghen tuông vô cớ, xúc phạm và hành hung chị dù chị đã khuyên can nhiều lần để anh thay đổi cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh không thay đổi. Đồng thời tính tình của cả hai không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn giữa anh N và gia đình chị cũng phát sinh và trở nên trầm trọng không giải quyết được; từ đó làm cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt không thể hàn gắn. Quá trình Tòa án giải quyết anh N không đến để trình bày ý kiến.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Để có cuộc hôn nhân hạnh phúc cả hai phải có sự trân trọng, yêu thương, cảm thông, chia sẻ với nhau về những vấn đề trong cuộc sống. Ngoài ra, phải có sự hòa thuận, thương yêu của các thành viên trong gia đình. Thế nhưng, anh N lại không có trách nhiệm với gia đình, không chia sẻ gánh nặng kinh tế cùng chị S, dù chị S đã nhiều lần khuyên can nhưng anh không sửa đổi, từ đó làm rạn nứt tình cảm vợ chồng. Mặt khác, tại các lần Tòa án mời làm việc, hòa giải và xét xử anh N đều vắng mặt không lý do, cho thấy anh N hoàn toàn không có thiện chí hàn gắn

tình cảm cùng với chị S. Xét thấy, hôn nhân giữa chị S và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị S kiên quyết ly hôn, do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị S về việc ly hôn anh N.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và chứng cứ Tòa án thu thập được, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi mâu thuẫn xảy ra, anh N và chị S ly thân, chị S về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì cháu Nguyễn Thị Mỹ H vẫn tiếp tục sống chung với chị S. Đồng thời qua xác minh, mẹ ruột của bị đơn cũng cho biết anh N cũng đồng ý giao cháu H cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng; nếu như chị S nuôi dưỡng cháu H không tốt thì anh sẽ khởi kiện yêu cầu thay đổi người nuôi con. Do đó, nhằm tránh làm thay đổi môi trường sống và để đảm bảo cho cháu H có cuộc sống ổn định về mặt thể chất lẫn tinh thần nên giao cháu Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 17/5/2016 cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, vì cháu H đã sống ổn định với chị S từ nhỏ; anh N không cấp dưỡng nuôi con do chị S không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị S trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án: Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp quy định pháp luật, phù hợp các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị S phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tuyết S.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Tuyết S. Chị Trần Thị Tuyết S được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Trong N.

2. *Về con chung:* Giao Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 17/5/2016 cho chị Trần Thị Tuyết S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Anh Nguyễn Tấn Trong N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Tấn Trọng N không cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị Tuyết S không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

4. *Về án phí:* Chị Trần Thị Tuyết S phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008230 ngày 02/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị Trần Thị Tuyết S đã nộp xong.

5. *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn (chị S) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị đơn (anh N) vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh (1);
- VKSND Huyện (1);
- THADS Huyện (1);
- Lưu: VT, HSVA (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Bửu Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
XÉT XỬ PHIÊN TÒA

